

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 20 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lại Văn V, sinh năm 1986, tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lại Văn T(đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1989 và 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lại Văn Ph, sinh năm 1974, tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ thôn T, Đảng bộ xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (đã bị

đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 95-QĐ/UBKTHU ngày 11/5/2020 của Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ Y); con ông: Lại Văn T, sinh năm 1929 và bà Lại Thị H(đã chết); có vợ là Phạm Thị C, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Lê Văn T, sinh năm 1976, tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C, sinh năm 1950 và bà Trần Thị P, sinh năm 1955; có vợ là Phan Thị Q, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982, tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 và bà Trần Thị L, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: Trần Văn H, sinh năm 1984, tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Mạnh T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1952; có vợ là Phan Thị C, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 15/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: Nguyễn Văn D, sinh năm 1979, tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; có vợ là Vũ Thị T sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 15/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang. (Vắng mặt).

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971, ở thôn B, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, sỏi). Ngày 09/01/2020, ông C tổ chức làm cơm tất niên tại gia đình và mời mọi người cùng làm với mình đến dự. Khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, các đối tượng Lại Văn Ph, sinh năm 1974; Lại Văn V, sinh năm 1986 đều ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn D, sinh năm 1979 ở thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982 ở thôn B xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Lê Văn T, sinh năm 1976 ở thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Trần Văn H, sinh năm 1984 ở thôn N xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến nhà ông C ăn cơm liên hoan tại phòng tầng 2 của gia đình. Đến khoảng 20 giờ, sau khi ăn cơm xong thì các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh liêng với mức đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng.

Cách thức đánh bạc được quy định như sau: một người chơi sẽ chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, trước khi lên bài, mỗi người chơi đặt số tiền cược là 10.000 đồng ra giữa chiếu gọi là “gà”, sau khi đặt cược xong các đối tượng sẽ lên bài tính điểm. Lần lượt từ người chia bài sẽ bỏ số tiền từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng ra

để cược gọi là "tố", nếu người chơi tiếp theo không "tố" thì sẽ úp bài và mất số tiền đặt cược ban đầu, người liên kế bên cạnh sẽ được quyền "tố" và theo vòng tròn, ai theo tố thì sẽ bỏ số tiền tương ứng, ai không theo sẽ úp bài và mất số tiền đặt cược. Cứ như vậy cho đến khi hết vòng thì tính điểm. Cách tính điểm là các quân bài từ Át đến 9 sẽ tương ứng từ 01 đến 09 điểm, các quân bài từ 10 đến K sẽ được tính là 10 điểm (hay 0 điểm), người chơi tính điểm theo hàng đơn vị để so bài với nhau, ai cao điểm nhất sẽ được toàn bộ số tiền cược ban đầu và tiền "tố", nếu bài của người chơi bằng nhau về số điểm thì sẽ so theo chất rô, cơ, tép, bích. Nếu người nào có 3 quân bài giống nhau khác chất như 3 quân K, 3 quân 2...thì được gọi là sấp, sấp là cao nhất của liêng, trong sấp thì cao nhất là 3 quân A, thấp nhất là 3 quân 2. Người nào có 3 quân bài theo thứ tự như A - 2 -3; 4- 5 -6; J - Q- K... thì được gọi là liêng, người nào có 3 quân bài bất kỳ từ J đến K như J-J-K; Q- K-K ... thì được gọi là tranh ảnh. Theo thỏa thuận của các đối tượng thì cao nhất là sấp, sau đến liêng rồi đến tranh ảnh và sau cùng là tính điểm. Người nào thắng ván đó sẽ được toàn bộ số tiền đặt cược ban đầu, tiền "tố" và được quyền chia bài ván tiếp theo. Trường hợp có người được "sấp" hoặc "liêng đồng hoa" thì mỗi người chơi còn lại phải trả thêm cho người thắng số tiền lần lượt là 10.000 đồng hoặc 50.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong thì các đối tượng cùng nhau đánh bạc.

Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, trong khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện đến vây bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm:

Thu giữ trên chiếu bạc: 01 bộ bài tú lơ khơ; 03 chiếu cói và số tiền 2.750.000 đồng.

Thu giữ trên người các đối tượng gồm: Lại Văn Ph 2.500.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; Lại Văn V 2.400.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu trắng; Trần Văn H 420.000đ và 01 điện thoại di động OPPO A37 màu hồng; Nguyễn Văn D 500.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng; Lê Văn T 1.160.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng.

Tại Cơ quan điều tra Lại Văn Ph, Lại Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T và Trần Văn H đều khai nhận có tham gia đánh bạc như trên.

Về số tiền dùng đánh bạc các đối tượng khai nhận:

Lại Văn Ph khai: Trước khi đánh bạc có 2.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc. Số tiền 2.500.000 đồng bị thu giữ có 1.500.000 đồng là tiền đánh bạc, chiếc điện thoại di động không sử dụng vào việc đánh bạc.

Lại Văn V khai: Trước khi đánh bạc có 3.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc, đang dùng 600.000đ để dưới chiếu bạc để đánh bạc thì bị thu giữ. Số tiền 2.400.000 đồng bị thu giữ trên người là tiền đánh bạc, 02 chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Trần Văn H khai: Trước khi đánh bạc có 600.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc và bị thua bạc. Số tiền 420.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang là tiền đánh bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Văn D khai: Trước khi đánh bạc có 570.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Số tiền 500.000 đồng bị thu giữ là tiền đánh bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Văn T1 khai: Trước khi đánh bạc có 600.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, bị thua bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Lê Văn T khai: Trước khi đánh bạc có 900.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, và đã thắng bạc. Số tiền 1.160.000 đồng thu giữ là tiền đánh bạc. 02 chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền Lại Văn Ph, Trần Văn H, Nguyễn Văn T1, Lại Văn V, Nguyễn Văn D và Lê Văn T sử dụng để đánh bạc là 8.730.000 đồng. Trong đó có 2.750.000 đồng thu trên chiếu bạc và 5.980.000đ thu giữ trên người của các đối tượng.

Đối với ông Nguyễn Văn C là chủ nhà nơi các đối tượng đánh bạc. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định được ông C sau khi ăn tối xong bị say rượu đã đi ngủ trước khi các đối tượng rủ nhau đánh bạc, việc các đối tượng đánh bạc tại nhà ông, ông C không biết, ngoài lời khai không có chứng cứ khác, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Y không có căn cứ xử lý ông Nguyễn Văn C đồng phạm về tội đánh bạc.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ; 03 chiếu cói; 08 chiếc điện thoại di động các loại và số tiền 9.730.000 đồng được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết theo quy định;

- Tại cơ quan điều tra Lại Văn Ph, Lại Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T và Trần Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố những lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai của những người này.

- Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSYD ngày 15 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố các bị cáo Lại Văn Ph, Lại Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T và Trần Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lại Văn Ph, Lại Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T và Trần Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lại Văn V từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lại Văn Ph từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.4. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020, (Một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo phải khấu trừ 5% thu nhập là 250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

2.5. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020, (Một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo phải khấu trừ 5% thu nhập là 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

2.6. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020, (Một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo phải khấu trừ 5% thu nhập là 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 03 chiếc còi

4.2. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 8.730.000 đồng.

4.3. Trả lại bị cáo Lại Văn Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen và 1.000.000 đồng; Bị cáo Lại Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu trắng; Bị cáo Trần Văn H 01 điện thoại di động OPPO A37 màu hồng; Bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng; Bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Bị cáo Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được lỗi, hứa không bao giờ tái phạm và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến và biên bản bắt người phạm tội quả tang đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20

giờ ngày 09/01/2020, tại nhà ở của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974, ở thôn B, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang. Lại Văn Ph, Lại Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T và Trần Văn H có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng với mức đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng. Đến hồi 21 giờ 45 phút cùng ngày, khi các đối tượng P, V, Dân, T1, T, H đang đánh bạc thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện đến vây bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc số tiền 2.750.000 đồng; 01 bộ bài tứ lơ khơ; 03 chiếc chiếu cói; Thu trên người các đối tượng số tiền 5.980.000đ là tiền đánh bạc và một số tài sản khác. Tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 8.730.000 đồng Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Trong vụ án có nhiều bị cáo rủ nhau cùng thực hiện một tội phạm nhưng không có sự phân công và cấu kết chặn chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, do vậy đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn.

[4]. Về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị quần chúng nhân dân lên án, đây cũng là nguyên nhân gây ra những tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần được xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[5]. Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo đều có vai trò như nhau, cùng rủ nhau đánh bạc, các bị cáo đều tích cực trong việc phạm tội và cùng tham gia sát phạt nhau bằng tiền. Mặc dù các bị cáo có vai trò như nhau nhưng trong quá trình đánh bạc bị cáo Lại Văn V bỏ ra lượng tiền nhiều nhất là 3.000.000 đồng; bị cáo Lại Văn Ph có 1.000.000 đồng; bị cáo Lê Văn T có 900.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn T1 có 600.000 đồng; bị cáo có Trần Văn H có 600.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn D có 570.000 đồng. Do đó cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo D có bố là

liệt sỹ; Bị cáo H có thời gian tham gia quân đội và có bố được thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo T có bố được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì; Bị cáo P, bị cáo Thao có bố là Thương binh. Bị cáo P đã cung cấp thông tin, đề xuất, lập kế hoạch truy bắt đối tượng để Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang phối hợp với Công an huyện Y bắt được đối tượng phạm tội là Đào Việt A, bị cáo P được áp dụng tình tiết người phạm tội đã lập công chuộc tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo Dân được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s,x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Việt được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo H, T1o, T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[8] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội đều do bột phát nhất thời nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[10]. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D, Trần Văn H áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích.

[11]. Do các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D, Trần Văn H làm nghề lao động tự do, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thao khai nhận bị cáo làm nghề lao động tự do với mức thu nhập mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Còn bị cáo H và bị cáo D đều khai nhận các bị cáo làm nghề lao động tự do với mức thu nhập mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật thì hàng tháng các bị cáo này còn phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20%/tháng để sung quỹ Nhà nước. Do vậy, cần phải buộc bị cáo T khấu trừ 06% thu nhập trên một tháng để sung quỹ

Nhà nước, còn bị cáo H, bị cáo D khấu trừ 05% thu nhập trên một tháng để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[12]. Xét về hình phạt bổ sung thì thấy: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lại Văn V; Lê Văn T, Lại Văn Ph. Còn các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D, Trần Văn H kinh tế khó khăn và các bị cáo đã bị khấu trừ tiền thu nhập hàng tháng nên Hội đồng xét xử miễn không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D, Trần Văn H.

[13] Đối với ông Nguyễn Văn C là chủ nhà nơi các đối tượng đánh bạc. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định được ông C sau khi ăn tối xong bị say rượu đã đi ngủ trước khi các đối tượng rủ nhau đánh bạc, việc các đối tượng đánh bạc tại nhà ông, ông C không biết, ngoài lời khai không có chứng cứ khác, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Y không có căn cứ xử lý ông Nguyễn Văn C đồng phạm về tội đánh bạc

[14] Về vật chứng của vụ án:

[14.1]. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ; 03 chiếu cói đây là phương tiện để các bị cáo phạm tội, do vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với qui định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[14.2]. Đối với số tiền 8.730.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, do vậy cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp với qui định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[14.3]. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen và 1.000.000 đồng của bị cáo Lại Văn Ph; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu trắng của bị cáo Lại Văn V; 01 điện thoại di động OPPO A37 màu hồng của bị cáo Trần Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng của bị cáo Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo Lê Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng của bị cáo Nguyễn Văn T1 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp với qui định điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23

Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lại Văn V, Lại Văn Ph, Lê Văn T, Nguyễn Văn T1, Trần Văn H và Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng pháp luật:

2.1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lại Văn V.

2.2. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lại Văn Ph.

2.3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T

2.4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H

2.6. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

3. Hình phạt:

3.1. Xử phạt: Bị cáo Lại Văn V 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước

3.2. Xử phạt: Bị cáo Lại Văn Ph 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước

3.3. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị

cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước

3.4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 12/01/2020 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ). Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập là 300.000 đồng/tháng để sung quỹ Nhà nước

3.5. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 15/01/2020 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ). Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập là 200.000 đồng/tháng để sung quỹ Nhà nước

3.6. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 15/01/2020 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ). Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập là 200.000 đồng/tháng để sung quỹ Nhà nước

4. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

5.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 03 chiếc còi

5.2. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 8.730.000 đồng.

5.3. Trả lại bị cáo Lại Văn Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen và 1.000.000 đồng; Bị cáo Lại Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu trắng; Bị cáo Trần Văn H 01 điện thoại di động OPPO A37 màu hồng; Bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng; Bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Bị cáo Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

8. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Ủy ban kiểm tra huyện ủy Y;
- Đảng bộ xã Đ, huyện Y;
- Chi bộ thôn T, xã Đ, huyện Y
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo